

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28 tháng 5 năm 2021
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ
2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Đình Thành Long - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; địa chỉ: Thôn Y, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình H; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình H có tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28-12-2012 tại Ủy ban nhân dân xã Ia Kla, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 04 năm, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ con và vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim H1, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2013. Chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Nguyễn Thị Kim H1 cho anh Nguyễn Đình H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân.

Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Nguyễn Đình H và cháu Nguyễn Thị Kim H1 đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng anh H có

tình trốn tránh và cũng không cung cấp địa chỉ của cháu H1, không có mặt theo Giấy triệu tập. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của anh H và lời trình bày nguyện vọng của cháu H1.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Bản sao Sổ hộ khẩu chủ hộ là Nguyễn Đình H; bản sao Chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình H; bản sao Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thị Kim H1; Giấy chứng nhận kết hôn; 01 Bản tự khai và đơn xin vắng mặt của chị Nguyễn Thị T; 01 Biên bản xác minh ngày 19-10-2020 của Tòa án.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn cố tình trốn tránh, không tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình H có đăng ký kết hôn vào ngày 28-12-2012 tại Ủy ban nhân dân xã Ia Kla, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ con và vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim H1, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2013. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thấy rằng cháu H1 sống cùng anh H và không xác định được nơi cư trú hiện nay. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu H1 cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình H

2. Về con chung:

Giao con chung của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình H là cháu Nguyễn Thị Kim H1, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2013 cho anh Nguyễn Đình H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0011655 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Ia Sao;
- UBND xã Ia Kla;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính